

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHONG ĐIỀN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **33** /2022/HS-ST
Ngày 26-9-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Trường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Phước.
2. Ông Nguyễn Văn Lương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Trúc, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 24/2022/TLST-HS ngày 12 tháng 8 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 30/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 9 năm 2022 đối với bị cáo:

Đồng Hữu V, sinh năm 1987, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Tổ dân phố V, thị trấn P, huyện PD, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đồng Hữu T (đã chết) và bà Trần Thị M, sinh năm 1960; có vợ là Hoàng Thị L, sinh năm 1988; chưa có con; tiền án, tiền sự: Không có; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; *có mặt*.

- Bị hại: Anh Nguyễn Đăng L, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn P, huyện PD, tỉnh Thừa Thiên Huế; *có mặt*.

- Người đại diện hợp pháp của bị hại: Chị Phạm Thị Hoài V, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn P, huyện PD, tỉnh Thừa Thiên Huế; là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 12-9-2022); *có mặt*.

- Người làm chứng:

1. Anh Đồng Hữu B, sinh năm 1980; *có mặt*.
2. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1966; *có mặt*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ 00 phút ngày 13-02-2022, Đồng Hữu B và Đồng Hữu V tổ chức ăn nhậu tại nhà của B ở tổ dân phố V, thị trấn P, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Quá trình ăn uống có thêm Nguyễn Đăng L và Nguyễn Văn H tham gia.

Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, trong khi đang ăn uống thì giữa V và L xảy ra tranh cãi việc L đặt cọc cho V số tiền 2.500.000 đồng để mua gỗ trầm. Anh L nói V có gỗ tại nhà nhưng không chịu giao cho L. V về nhà lấy tiền sang đưa trả lại nhưng L không nhận tiền mà nói “Mi bán gỗ cho họ tiền cao hơn, chờ ăn hết rồi đòi trả tiền cho tau chi nữa”. V đứng dậy cầm tiền cố đút vào túi áo ngực của L để trả lại; quá trình xô đẩy làm anh L đang ngồi trên ghế nhựa ngã ngửa xuống nền bê tông và làm V mất đà ngã chồm lên người L; anh L không đứng dậy được nên dùng chân đạp 2-3 cái ở tư thế đối diện theo hướng dưới lên trúng vào vùng ngực, mặt của V song không gây thương tích gì. Lúc này, ông Nguyễn Văn H đến ôm V đẩy vào hướng trong nhà, anh Đồng Hữu B đến đỡ L đứng dậy rồi ôm đẩy ra phía ngoài sân để can ngăn. Khi anh B ôm đẩy L đến gần vị trí cột hiên nhà thì V vùng thoát khỏi ông H xông đến ở tư thế đối diện với L, dùng tay đánh liên tục 02 (hai) cái, cái thứ nhất bằng tay phải không trúng, cái đánh thứ hai bằng tay trái, ngón tay duỗi thẳng ra trước, đầu ngón cái bàn tay trái xuyên thủng nhãn cầu mắt phải của anh L gây thương tích.

Ngay sau đó, L được đưa đến Trung tâm Y tế huyện PD sơ cứu và chuyển đến Bệnh viện Trung ương Huế - cơ sở 2 điều trị từ ngày 13-02-2022 đến ngày 24-02-2022 xuất viện.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tổn thương cơ thể số 82-22/TgT ngày 23-3-2022 của Trung tâm Giám định Y khoa - Pháp y tỉnh Thừa Thiên Huế kết luận về tỷ lệ tổn thương cơ thể của Nguyễn Đăng L như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định: Chấn thương xuyên thủng nhãn cầu mắt phải để lại di chứng teo nhãn cầu, ánh sáng (-)/ mắt trái giảm thị lực (từ 10/10 xuống còn 5/10).

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể hiện tại là 51% (Năm mươi một phần trăm).

3. Vật gây: Tổn thương mắt phải do tác động của vật tày có cạnh.

Quá trình điều tra, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên; không có khiếu nại gì về các kết luận giám định và các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình giải quyết vụ án, Đồng Hữu V có nguyện vọng bồi thường, khắc phục hậu quả gây ra nhưng bị hại từ chối gặp để hòa giải, thỏa thuận. Ngày 08-8-2022, Đồng Hữu V xin khắc phục một phần hậu quả bằng việc đưa trước cho bị hại số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), phần còn lại sẽ giải quyết theo quy định của pháp luật nhưng bị hại không đồng ý nhận tiền.

Ngày 30-8-2022, bị hại có đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại với tổng số tiền 714.335.747 đồng, gồm chi phí cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe 125.985.747 đồng; thu nhập thực tế bị mất, bị giảm sút 544.500.000 đồng; chi phí hợp lý và thu nhập bị mất của người chăm sóc người bị thiệt hại 6.600.000 đồng; bù đắp tổn thất tinh thần 25 tháng lương cơ sở 37.250.000 đồng và yêu cầu Đồng Hữu Viện trả lại 2.500.000 đồng tiền đặt cọc mua gỗ.

Ngày 22-9-2022, Đồng Hữu V tự nguyện nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) nhằm bồi thường, khắc phục một phần thiệt hại cho bị hại.

Tại Bản Cáo trạng số: 25/CT-VKS-PĐ ngày 11-8-2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế đã quyết định truy tố Đồng Hữu V về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội giữ nguyên quyết định truy tố Đồng Hữu V về tội “Cố ý gây thương tích”.

- Về hình sự: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị căn cứ Điều 30 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 584, 585 và 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015 để buộc Đồng Hữu V bồi thường cho bị hại tổng số tiền 96.935.747 đồng, trong đó, chi phí cứu chữa, điều trị, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và các chức năng bị mất, bị giảm sút 27.285.747 đồng; chi phí mất thu nhập của người bị thiệt hại từ 13-02-2022 đến ngày 13-4-2022 (02 tháng) là 30.000.000 đồng; chi phí hợp lý và thu nhập bị mất của người chăm sóc bị hại trong thời gian điều trị từ ngày 13-02-2022 đến ngày 24-02-2022 (12 ngày) 2.400.000 đồng; tổn thất tinh thần 37.250.000 đồng.

Khoản chi phí thay mất giả, tái khám và thu nhập bị giảm sút của bị hại do chưa phát sinh và chưa đủ cơ sở chứng minh nên không giải quyết mà bị hại có quyền khởi kiện khi có tranh chấp.

Các khoản khác không có chứng từ, không hợp lý gồm 21.500.000 đồng tiền mua 05 lạng yến tinh chế, 72.500.000 đồng thu nhập bị mất từ sau ngày 18-3-2022 và 4.200.000 đồng chi phí hợp lý và phần thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc người bị thiệt hại từ ngày 25-02-2022 đến ngày 17-3-2022 (21 ngày) nên đề nghị không chấp nhận.

Khoản đặt cọc không có liên quan đến vụ việc nên không giải quyết.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội. Về yêu cầu bồi thường thiệt hại, bị cáo đồng ý khoản bồi thường chi phí cứu chữa, điều trị, bồi dưỡng phục hồi sức khỏe trong thời gian điều trị tại bệnh viện là 14.672.747 đồng và khoản bù đắp tổn thất tinh thần 37.250.000 đồng mà bị hại yêu cầu; chấp nhận mức thu nhập hàng tháng của bị hại trước khi bị thiệt hại 15.000.000 đồng/tháng và mức thu nhập của anh Nguyễn Đăng N là người chăm sóc bị hại trong thời

gian điều trị tại bệnh viện là 500.000 đồng/ngày.

Người đại diện hợp pháp của bị hại đề nghị xem xét chấp nhận toàn bộ các khoản bồi thường thiệt hại theo đơn yêu cầu và khoản chi phí tái khám phát sinh ngày 13-9-2022 là 1.619.000 đồng.

Nói lời sau cùng tại phiên tòa, bị cáo xin lỗi người bị hại và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định, hành vi tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại về quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Các quyết định, hành vi tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án nên có cơ sở kết luận:

Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 13-02-2022, tại nhà anh Đồng Hữu B thuộc tổ dân phố V, thị trấn P, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, Đồng Hữu V đã có hành vi dùng tay trái đánh trúng vào vùng mắt phải của anh Nguyễn Đăng L gây thương tích thủng nhãn cầu với tỷ lệ tổn hại sức khỏe qua giám định 51% (Năm mươi một phần trăm).

Thời điểm thực hiện hành vi, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Do đó, hành vi của bị cáo phạm vào tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:

Bị cáo là người đã thành niên, nhận thức được sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo và bị hại là bạn bè, ở cùng khu dân cư với nhau nhưng chỉ vì bất đồng trong lúc sinh hoạt, bị cáo đã không kiềm chế để lựa chọn xử sự phù hợp với pháp luật và bảo đảm quyền được bảo vệ sức khỏe của người khác mà đã đánh gây thương tích với hậu quả tổn thương mắt phải của bị hại có tỷ lệ tổn thương cơ thể cao, để lại hậu quả lâu dài cho bị hại, phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm sức khỏe của người khác, ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội tại địa phương.

Tuy nhiên, việc bị cáo gây thương tích cho bị hại không có chủ ý từ trước mà mang tính bộc phát; nhân thân chưa có tiền án, tiền sự.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có ý thức khắc phục hậu quả gây ra, đã đề nghị nộp trước khoản tiền để kịp thời khắc phục một phần hậu quả nhưng bị hại từ chối nhận, bị cáo đã tự nguyện nộp 30.000.000 đồng tại cơ quan thi hành án dân sự nên chấp nhận áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng là tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Bị cáo có hai người cậu ruột và bác ruột là Liệt sỹ, bà ngoại được tặng Huân chương kháng chiến, ông nội được tặng Huy chương kháng chiến; bị cáo là lao động chính trong gia đình; hoàn cảnh gia đình khó khăn, có mẹ đẻ và em ruột mắc bệnh tâm thần; vợ chồng đã điều trị vô sinh thời gian dài được chính quyền địa phương xác nhận nên được xem là các tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở.

[5] Về hình phạt: Trên cơ sở các căn cứ quyết định hình phạt như đã phân tích, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không phạm vào tình tiết tăng nặng nhưng với tính chất, mức độ tội phạm, hậu quả gây ra thì không chấp nhận áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà cần quyết định mức hình phạt tương xứng và áp dụng Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 buộc cách ly một thời gian để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Xét các khoản thiệt hại mà bị hại yêu cầu bồi thường, căn cứ vào Điều 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[6.1] Về chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và các chức năng bị mất, bị giảm sút:

[6.1.1] Chi phí điều trị tại bệnh viện từ ngày 13-02-2022 đến ngày 24-02-2022 gồm viện phí, chi phí đi lại, bồi dưỡng trong thời gian điều trị tổng cộng 14.672.747 đồng (Mười bốn triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm bảy mươi bốn đồng); bị cáo chấp nhận bồi thường nên ghi nhận.

[6.1.2] Chi phí điều trị tại nhà sau khi xuất viện và tái khám tại Bệnh viện Mắt Huế, gồm:

- Chi phí khám bệnh ngày 07-3-2022 là 400.000 đồng, ngày 17-3-2022 là 254.000 đồng, ngày 13-9-2022 là 300.000 đồng; tiền mua thuốc ngoài theo kê đơn của bác sỹ ngày 13-9-2022 là 1.319.000 đồng đều có hóa đơn, chứng từ hợp lệ nên chấp nhận.

- Chi phí tiền thuốc ngoài từ ngày hẹn tái khám đến ngày 07-3-2022 là 459.000 đồng; tiền mua thuốc ngoài theo kê đơn của bác sỹ 1.100.000 đồng; tiền

tiền mua kính mắt 1.800.000 đồng không có hóa đơn nhưng cần thiết và phù hợp với thực tế nên chấp nhận.

- Tiền thuê taxi từ nhà ở đến Bệnh viện Mắt Huế khám ngày 07-3-2022 là 500.000 đồng không có hóa đơn nhưng phù hợp với thực tế nên chấp nhận.

- Tiền thuê taxi đi giám định tỷ lệ tổn thương cơ thể ngày 17-3-2022 là 500.000 đồng thuộc trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng nên không có cơ sở chấp nhận.

- Chi phí mua 06 lọ yến tinh chế để bồi dưỡng với giá 4.300.000 đồng/lọ x 06 lọ = 25.800.000 đồng: Khoản chi phí này không có hóa đơn, chứng từ chứng minh; số lượng quá nhiều trong khoản thời gian từ ngày 25-02-2022 đến 17-3-2022 là không hợp lý. Do đó, chấp nhận một phần chi phí mua 01 lọ yến tinh là 4.300.000 đồng.

- Tiền ăn trong thời gian điều trị tại nhà từ ngày 25-02-2022 đến ngày 17-3-2022 là 22 ngày x 150.000 đồng/ngày = 3.300.000 đồng: Đây là khoản chi phí phát sinh hàng ngày, nếu không bị thương tích thì vẫn phải chi nên không có cơ sở chấp nhận.

[6.1.3] Về chi phí dự trù thay mắt giả và khám mắt: Bị hại yêu cầu mức dự trù chi phí tổng cộng 77.200.000 đồng. Bị cáo không chấp nhận.

Xét thấy khoản chi phí thay mắt giả và khám mắt chưa phát sinh, không có chỉ định của bác sỹ nên không giải quyết. Trường hợp sau này có tranh chấp, người bị thiệt hại có quyền khởi kiện vụ án khác theo pháp luật về tố tụng dân sự.

Tổng chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và các chức năng bị mất, bị giảm sút (mục [6.1]) được chấp nhận là 25.104.747 đồng (Hai mươi lăm triệu một trăm linh bốn nghìn bảy trăm bốn mươi bảy đồng).

[6.2] Thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút của người bị hại:

[6.2.1] Về khoản thu nhập thực tế bị mất: Bị hại yêu cầu bồi thường thu nhập bị mất từ ngày 13-02-2022 đến ngày 30-8-2022 là 6,5 tháng x 15.000.000 đồng/tháng = 97.500.000 đồng (Chín mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Xét thấy, trước khi xảy ra sự việc, bị hại Nguyễn Đăng L mở Cơ sở cơ khí H do bị hại làm chủ và thợ thi công. Do bị thương tích, bị hại không thể mở cơ sở nên thu nhập thực tế bị mất. Tại phiên tòa, bị cáo chấp nhận mức thu nhập của bị hại trước khi bị thiệt hại là 15.000.000 đồng/tháng.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 585 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì bên bị thiệt hại có trách nhiệm áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn chặn, hạn chế thiệt hại cho chính mình. Căn cứ tính chất của thương tích của bị hại thì sau khi điều trị ổn định vẫn có thể lao động tạo thu nhập được nên không cần thiết và không bắt buộc phải đóng cửa cơ sở thời gian quá dài. Do đó, chấp nhận thời gian thực tế để bồi thường thu nhập bị mất 03 tháng, kể từ ngày 13-02-2022 là 03 tháng x 15.000.000 đồng/tháng = 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng).

[6.2.1] Về thu nhập bị giảm sút: Bị hại yêu cầu bồi thường thu nhập bị giảm sút từ sau ngày 30-8-2022 đến khi đủ 62 tuổi với mức 1.490.000 đồng/tháng x 12 tháng x 25 năm = 447.000.000 đồng.

Theo quy định tại Điều 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút được bồi thường phải là “thu nhập thực tế”. Bị hại không có căn cứ chứng minh thu nhập thực tế bị giảm sút là 1.490.000 đồng/tháng. Với tính chất tổn thương cơ thể của bị hại thì không phải mất khả năng lao động. Do đó, khoản bồi thường này không có cơ sở pháp luật nên không chấp nhận.

Tổng thu nhập thực tế bị mất của bị hại (mục [6.2]) được chấp nhận là 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng).

[6.3] Về chi phí hợp lý và thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc người bị thiệt hại trong thời gian điều trị: Bị hại yêu cầu bồi thường thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc là vợ của bị hại từ ngày 13-02-2022 đến ngày 17-3-2022 mức 200.000 đồng/ngày x 33 ngày = 6.600.000 đồng.

[6.3.1] Theo hồ sơ bệnh án và lời khai của bị hại thì người chăm sóc bị hại trong thời gian điều trị không phải là vợ của bị hại mà là anh Nguyễn Đăng N (em ruột của bị hại). Anh N là thợ thi công sơn, mức thu nhập 500.000 đồng/ngày được bị cáo thừa nhận. Thời gian điều trị từ ngày 13-02-2022 đến ngày 24-02-2022 là 12 ngày nên thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc người bị hại tại bệnh viện là 500.000 đồng x 12 ngày = 6.000.000 đồng.

[6.3.2] Khoản thu nhập bị mất của vợ bị hại từ ngày 25-02-2022 đến ngày 17-3-2022, thì thấy với tính chất thương tích của bị hại sau khi ra viện bị hại tự thực hiện được các hoạt động sinh hoạt bình thường, không cần thiết phải có người chăm sóc đến ngày 17-3-2022 mà chỉ chấp nhận thời gian chăm sóc sau khi xuất viện từ ngày 25-02-2022 đến khi tái khám ngày 07-3-2022 là phù hợp. Như vậy, khoản thu nhập của vợ bị hại được chấp nhận là 200.000 đồng/ngày x 11 ngày = 2.200.000 đồng.

Tổng thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc người bị thiệt hại (mục [6.3]) được chấp nhận là 8.200.000 đồng (Tám triệu hai trăm nghìn đồng).

[6.4] Về khoản bù đắp tổn thất tinh thần: Xét thấy bị cáo gây thương tích tổn thương nhân cầu tỷ lệ 51% làm ảnh hưởng đến thị lực của bị hại về lâu dài. Mức bù đắp tổn thất tinh thần bị hại yêu cầu 25 tháng lương cơ sở được bị cáo chấp nhận. Do đó, bị cáo phải bồi thường là 1.490.000 đồng/tháng x 25 tháng = 37.250.000 đồng (Ba mươi bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Như vậy, tổng số tiền bồi thường được chấp nhận (mục [6.1] + [6.2] + [6.3]) + [6.4]) là 25.104.747 đồng + 45.000.000 đồng + 8.200.000 đồng + 37.250.000 đồng = 115.554.747 đồng (Một trăm mười lăm triệu năm trăm năm mươi bốn nghìn bảy trăm bốn mươi bảy đồng).

[6.5] Về trách nhiệm bồi thường: Bị cáo là người có hành vi xâm phạm sức khỏe của bị hại, có lỗi cố ý; có năng lực trách nhiệm bồi thường thiệt hại; các bên

không có thỏa thuận về việc bồi thường. Căn cứ vào các Điều 584, 585 và 586 của Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bị cáo bồi thường toàn bộ số tiền trên.

Ghi nhận bị cáo đã tự nguyện nộp trước số tiền bồi thường 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền theo Biên lai thu số 1855 ngày 22-9-2022.

[7] Về số tiền 2.500.000 đồng mà Nguyễn Đăng L đặt cọc cho Đồng Hữu V để mua gỗ không liên quan đến các khoản thiệt hại trong vụ án nên không xét. Các bên có quyền tự thương lượng, thỏa thuận với nhau hoặc khởi kiện trong vụ án khác nếu có tranh chấp.

[8] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 23 và 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền bồi thường thiệt hại, trừ số tiền đã tự nguyện nộp trước 30.000.000 đồng là $85.554.747 \text{ đồng} \times 5\% = 4.277.737 \text{ đồng}$, làm tròn là 4.278.000 đồng (Bốn triệu hai trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Đồng Hữu Viện phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

2. Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Đồng Hữu V: 02 (Hai) năm tù; thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 586 và 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015,

Buộc Đồng Hữu V bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho Nguyễn Đăng L số tiền là 115.554.747 đồng (Một trăm mười lăm triệu năm trăm năm mươi bốn nghìn bảy trăm bốn mươi bảy đồng), trong đó, chi phí cứu chữa, điều trị, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe 25.104.747 đồng; thu nhập thực tế bị mất của người bị thiệt hại 45.000.000 đồng; thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc 8.200.000 đồng và bù đắp tổn thất tinh thần 37.250.000 đồng.

Bị cáo Đồng Hữu V đã nộp trước số tiền bồi thường là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0001855 ngày 22-9-2022 nên khấu trừ để chi trả cho bị hại Nguyễn Đăng L; bị cáo còn phải bồi thường tiếp số tiền 85.554.747 đồng (Tám lăm triệu năm trăm năm mươi bốn nghìn bảy trăm bốn mươi bảy đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 23 và 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Bị cáo Đồng Hữu V phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 4.278.000 đồng (Bốn triệu hai trăm bảy mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Công an tỉnh Thừa Thiên Huế (PV06);
- Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phong Điền;
- Công an huyện Phong Điền;
- CCTHADS huyện Phong Điền;
- Bị cáo; bị hại;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Lưu: HSPA, THAHS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Văn Trường